TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH THANH HÓA** Bản án số: 18/2023/HNGĐ - ST Ngày: 11 - 7 - 2023 V/v: Không công nhận vợ chồng	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thơm
Ông Phạm Văn Hay;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc: " Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị H - sinh năm 1979; Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Đội 4 thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu M - sinh năm 1978; Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn 3, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lưu Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M tự nguyện kết hôn với nhau năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc vui vẻ được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách giữa hai người không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau, khiến vợ chồng xảy ra nhiều cải vả, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của chị H được

giải quyết ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị H và anh M có 02 con chung, là cháu Nguyễn Thị H1 - sinh năm 1999 và cháu Nguyễn Hữu D – sinh năm 2003. Hiện nay các cháu đã thành niên và phát triển bình thường nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Ý kiến trình bày của anh Nguyễn Hữu M:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện kết hôn với nhau năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc vui vẻ được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách giữa hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì nguyện vọng của anh là đồng ý được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung, là cháu Nguyễn Thị H1 - sinh năm 1999 và cháu Nguyễn Hữu D – sinh năm 2003. Hiện nay các cháu đã thành niên và phát triển bình thường nên anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh M không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Lưu Thị H và anh Nguyễn Hữu M là vợ chồng

Về con chung: Vì 02 con chung đã thành niên và phát triển bình thường nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Lưu Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lưu Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Hữu M và đã được Tòa án thụ lý với quan hệ tranh chấp "Ly hôn". Tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận định quan hệ pháp luật trong vụ án này cụ thể là "Không công nhận vợ chồng"; bị đơn anh Nguyễn Hữu M có địa chỉ cư trú tại thôn 3, xã Quảng Hùng, thành phố Sầm Sơn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lưu Thị H và bị đơn anh Nguyễn Hữu M đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh M.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị H và anh Nguyễn Hữu M tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1999. Tuy nhiên anh chị không thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy quan hệ giữa chị H và anh M không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng chị H và anh M có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lưu Thị H và anh Nguyễn Hữu M.

[3]. Về con chung: Chị H và anh M có 02 con chung, là cháu Nguyễn Thị H1 - sinh năm 1999 và cháu Nguyễn Hữu D – sinh năm 2003. Hiện nay các cháu đã thành niên và phát triển bình thường, chị H và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4].Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Lưu Thị H phải chịu, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lưu Thị H về việc "Không công nhận vợ chồng" đối với anh Nguyễn Hữu M.

Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lưu Thị H và anh Nguyễn Hữu M;

Về con chung: Chị H và anh M có 02 con chung, là cháu Nguyễn Thị H1 - sinh năm 1999 và cháu Nguyễn Hữu D – sinh năm 2003. Hiện nay các cháu đã thành niên và phát triển bình thường, nên Tòa án không giải quyết vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tản sản, công nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án chị H đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0013644 ngày 05/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, chị Lưu Thị H và anh Nguyễn Hữu M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS TP. Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.